TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **05**/2018/QĐDS-ST
Ngày: 10/4/2018
V/v Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ toạ phiên họp: Bà **Vũ Thị Tuyến** - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Ông **Nguyễn Văn Thụ** - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên họp: Bà **Đoàn Thị Minh Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 06/2018/TB-TLVDS ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc *"Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án"* theo Quyết định mở phiên họp số: 07/2018/QĐPH - ST ngày 27 tháng 3 năm 2018.

) Người yêu cầu*: Ông **Lê Văn S - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên;

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố 6, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

**) Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông **Nguyễn Văn Th**

- Bà **Dương Thị S**

Cùng địa chỉ: Số nhà 74, tổ dân phố 5, phường T, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

Ông S, bà S có mặt tại phiên họp; ông Th vắng mặt tại phiên họp.

Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết: Ông Lê Văn S - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án đối với 01 nhà xây cấp 4 lợp tôn tạm + Bếp + Công trình phụ và 81,6 m^2 đất ở tại địa chỉ tổ dân phố 9, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên của vợ chồng ông Nguyễn Văn Th và bà Dương Thị S.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

- *Về thẩm quyền*: Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án của Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của đương sự*: Đối với ông Nguyễn Văn Th đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc mở phiên họp nhưng ông Th vẫn không đến tham gia phiên họp. Xét thấy, sự vắng mặt của ông Th không ảnh hưởng đến việc mở phiên họp giải quyết việc dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông Th theo quy định tại khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thời hiệu, điều kiện yêu cầu:*

Ngày 27/11/2017 Chấp hành viên giao thông báo số 132/TB-THA ngày 27/11/2017 về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản để thi hành án cho người được thi hành án là ông Phạm Văn X để ông X thực hiện quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của ông Th trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, để Th hiện việc thi hành án. Hết thời hạn này ông X , không Th hiện quyền yêu cầu của mình.

Ngày 22/12/2017 Chấp hành viên giao thông báo số 189/TB-THA ngày 21/12/2017 về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản để thi hành án cho vợ chồng ông Th, bà S và các con ông Th, bà S là Nguyễn Phương A, Nguyễn Thị Phương O, Nguyễn Trung Đ để thực hiện quyền tự phân chia tài sản chung hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, để Th hiện việc thi hành án của ông Th. Hết thời hạn này ông Th, bà S và các con ông Th, bà S không thực hiện quyền của mình.

Ngày 06/02/2018 Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ nộp đơn yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án đối với ông Nguyễn Văn Th theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự. Yêu cầu của Chấp hành viên đảm bảo về thời hiệu yêu cầu và điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự.

[2] **Về nội dung yêu cầu:**

Xét yêu cầu của ông Lê Văn S về việc xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng, phân chia tài sản chung của ông Th, bà S và các con của ông Th, bà S đối với 01 nhà xây cấp 4 lợp tôn tạm + Bếp + Công trình phụ và 81,6 m^2 đất ở tại địa chỉ tổ dân phố 9, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của ông S và ý kiến của bà S tại phiên họp thể hiện:

Ông Th và bà S là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn với nhau vào tháng 02/1995 tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện M, tỉnh Hải Hưng. Diện tích 81,6 m^2 đất ở (*Theo Giấy chứng nhận QSDĐ số AM 909433, số vào sổ cấp GCNQSD đất: H013510/QSDĐ do UBND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 05/6/2009 mang tên Nguyễn Văn Th và Dương Thị S)* tại địa chỉ tổ dân phố 9, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên có nguồn gốc là do ông Th, bà S nhận chuyển nhượng từ bà Hoàng Thị V vào ngày 26/5/2009. Do đó có cơ sở khẳng định nhà, đất trên là tài sản chung của ông Th, bà S có trong thời kỳ hôn nhân. Đối với các cháu Nguyễn Phương A, Nguyễn Thị Phương O, Nguyễn Trung Đ trong quá trình giải quyết việc dân sự các cháu cũng như ông Th, bà S, bà Dương Thị G (Người đại diện hợp pháp cho cháu Đ) đều thừa nhận các cháu đều không có công sức đóng góp gì vào nhà, đất trên và có đề nghị Tòa án không đưa những người này vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong việc dân sự này. Để đảm bảo cho việc thi hành án các khoản tiền trên ông Th có nguyện vọng đề nghị Tòa án phân chia nhà, đất trên theo quy định của pháp luật. Bà S có nguyện vọng đề nghị Tòa án chia đôi giá trị nhà, đất trên.

Căn cứ vào Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 06/2017/QĐ-BPKCTT ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, ngày 24/4/2017 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ đã ra Quyết định số: 19/QĐ-CCTHADS về việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng đối với 01 nhà xây cấp 4 lợp tôn + Bếp + Công trình phụ và 81,6 m^2 đất ở tại địa chỉ tổ dân phố 9, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên của ông Nguyễn Văn Th và bà Dương Thị S gửi các cơ quan có thẩm quyền (trong đó có Phòng công chứng số 01 tỉnh Điện Biên).

Căn cứ vào Bản án số: 11/2017/DS-ST ngày 21/7/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ và Quyết định thi hành án theo yêu cầu số: 28/QĐ-

CCTHADS ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ thì ông Nguyễn Văn Th phải trả nợ cho ông Phạm Văn X (Địa chỉ: Số nhà 258, tổ dân phố 6, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên) số tiền 1.588.810.000 đồng (*Một tỷ năm trăm tám mươi tám triệu tám trăm mười nghìn đồng*) + Lãi chậm thi hành án. Do ông Th không tự nguyện thi hành án nên ngày 27/11/2017 Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ đã ra quyết định về việc cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số: 03/QĐ-CCTHADS đối với ông Th, bà S. Ngày 27/11/2017 cơ quan thi hành án ra thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án số 132/TB-THA và Ngày 21/12/2017 cơ quan thi hành án ra thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án số 189/TB-THA để ông Th và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận, khởi kiện tại Tòa án xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đối với khối tài sản trên nhưng ông X , ông Th, bà S và các con ông Th, bà S không khởi kiện ra tòa, cũng không thỏa thuận được. Vì vậy mà ngày 26/02/2018 ông S có đơn yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản trên của ông Th, bà S để thi hành án.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2018 của bà S; Bản tự khai ngày 17/3/2018 của ông Th; Đơn đề nghị ngày 01/4/2018 và Đơn yêu cầu độc lập ngày 10/4/2018 của bà Tạ Thị T và tại phiên họp bà S thừa nhận: Nhà, đất trên đã được ông Th, bà S chuyển nhượng cho bà Tạ Thị T và ông Đỗ Danh H vào ngày 12/5/2017 với giá Th tế chuyển nhượng là 5.500.000.000 đồng (Năm tỷ năm trăm triệu đồng). Hai bên đã lập, ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên và làm thủ tục tại Phòng công chứng số 01 tỉnh Điện Biên do công chứng viên Vũ Ái L thực hiện, nhưng trên hợp đồng chỉ thể hiện số tiền chuyển nhượng là 1.200.000. 000 đồng (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Cho đến nay các bên vẫn chưa làm được thủ tục sang tên quyền sử dụng đất cho bà T, ông H là vì trước khi Th hiện việc công chứng này, công chứng viên Vũ Ái L đã không kiểm tra kỹ về thông tin nhà, đất trên đã bị Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ ra Quyết định số: 19/QĐ-CCTHADS về việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng căn cứ trên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 06/2017/QĐ-BPKCTT ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ.

Như vậy việc các bên giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất trên vào ngày 12/5/2017 là sau khi đã có Quyết định số: 19/QĐ-CCTHADS ngày 24/4/2017 về việc tạm dừng đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng đối với nhà, đất trên. Mặt khác sau khi nhận được đơn đề nghị ngày 01/4/2018 của bà T, ngày 05/4/2018 Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ ban hành Công văn số: 84/CV-TA về việc trả lời đơn đề nghị của bà T với nội dung: "*Căn cứ vào quy định tại khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố*

tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên thụ lý yêu cầu trên của ông Lê Văn S - Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ là đúng thẩm quyền và đúng quy định của pháp luật. Vì vậy yêu cầu của bà Tạ Thị T về việc không thụ lý yêu cầu chia tài sản của ông Nguyễn Văn T h và bà Dương Thị S để chờ kết quả giải quyết của Phòng cảnh sát điều tra và Phòng chống tội phạm về trật tự xã hội (PC45) - Công an tỉnh Điện Biên là không có căn cứ nên không được Tòa án chấp nhận". Sau khi nhận được Công văn này bà T không có đơn khiếu nại tiếp theo mà đã có đơn yêu cầu độc lập ngày 10/4/2018 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ giải quyết buộc vợ chồng ông Th, bà S phải hoàn trả cho ông H, bà T số tiền 5.128.000.000 đồng (Năm tỷ, một trăm hai mươi tám nghìn đồng). Vì vậy Tòa án không đưa ông H và bà T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong việc dân sự này.

Tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điêu 40 của Luật này; tài sản mà vợ, chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.

Quyền sử dụng đất mà vợ, chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp vợ hoặc chồng được thừa kế riêng, được tặng cho riêng hoặc có được thông qua giao dịch bằng tài sản riêng;

2. Tài sản chung của vợ chồng thuộc sở hữu chung hợp nhất, được dùng để bảo đảm nhu cầu của gia đình, Th hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng;

3. Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung".

Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"... 2. Tài sản chung của vợ, chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tổ sau đây:

a, Hoàn cảnh của gia đình và của vợ, chồng;

b, Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung. Lao động của vợ, chồng trong gia đình được coi như lao động có thu nhập; ...".

Điều 75 Luật Thi hành án dân sự quy định:

" Giải quyết tranh chấp, yêu cầu hủy giấy tờ, giao dịch liên quan đến tài sản thi hành án:

1. Trường hợp tài sản của người phải thi hành án bị cưỡng chế để thi hành án mà có người khác tranh chấp thì Chấp hành viên thông báo cho đương sự, người có tranh chấp về quyền của họ được khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

*Trong thời hạn **30 ngày**, kể từ ngày được thông báo hợp lệ mà đương sự, người có tranh chấp khởi kiện tại Tòa án hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì việc xử lý tài sản được Th hiện theo quyết định của Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền.*

*Trong thời hạn **30 ngày**, kể từ ngày được thông báo hợp lệ mà đương sự, người có tranh chấp không khởi kiện tại Tòa án hoặc không đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết thì Chấp hành viên xử lý tài sản để thi hành án theo quy định của Luật này …".*

Từ những phân tích và nhận định trên, có đủ cơ sở để khẳng định: Nhà xây cấp 4 lợp tôn tạm + Bếp + Công trình phụ và 81,6 m^2 đất ở tại địa chỉ tổ dân phố 9, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Văn Th và bà Dương Thị S có trong thời kỳ hôn nhân; Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Văn S về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.

Căn cứ vào quy định tại Điều 33, 59 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án xác định: Ông Nguyễn Văn Th và bà Dương Thị S mỗi người có quyền sử dụng 1/2 giá trị đối với 81,6 m^2 đất và 1/2 giá trị quyền sở hữu đối với 01 nhà xây cấp 4 lợp tôn tạm + Bếp + Công trình phụ tại địa chỉ tổ dân phố 9, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

[3] **Về lệ phí:** Theo quy định tại khoản 3 Điều 75 Luật thi hành án dân sự vào khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án các đương sự không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 33; khoản 3 Điều 39; Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 9 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39, Điều 361, 367, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 74 Luật thi hành án dân sự; khoản 3 Điều 75 Luật thi hành án dân sự vào khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án các đương sự không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án đối với ông Nguyễn Văn Th theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự của Chấp hành viên Lê Văn S Chi cục thi hành án dân sự thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

2. Nhà xây cấp 4 lợp tôn tạm + Bếp + Công trình phụ và 81,6 m^2 đất ở tại địa chỉ tổ dân phố 9, phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên (*Giấy chứng nhận QSDĐ số AM 909433, số vào sổ cấp GCNQSD đất: H013510/QSDĐ do UBND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 05/6/2009 mang tên Nguyễn Văn Th và Dương Thị S)* là tài sản chung của ông Nguyễn Văn Th và bà Dương Thị S.

Ông Nguyễn Văn Th và bà Dương Thị S mỗi người có quyền sử dụng 1/2 giá trị đối với 81,6 m^2 đất và 1/2 giá trị quyền sở hữu đối với 01 nhà xây cấp 4 lợp tôn tạm + bếp + công trình phụ tại địa chỉ tổ dân phố 9, phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (*Giấy chứng nhận QSDĐ số AM 909433, số vào sổ cấp GCNQSD đất: H013510/QSDĐ do UBND thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên cấp ngày 05/6/2009 mang tên Nguyễn Văn Th và Dương Thị S).*

3. Về lệ phí: Áp dụng khoản 1 Điều 74, khoản 3 Điều 75 Luật thi hành án dân sự vào khoản 4 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án các đương sự không phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự - người phải thi hành dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được Th hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

5. Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- VKSNDTPĐBP.
- Người yêu cầu;
- Chi cục THA DS TPĐBP;
- Tòa án ND tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ;
- Kế toán;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Tuyến